TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191**/2018/HC-PT
Ngày: 06/11/2018
V/v: "Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Bà **Lê Thúy Cầu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Phước Thạnh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 216/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 9 năm 2018 về: *"Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông **Mai Văn L**, sinh năm 1947 và bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn S, xã P1, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Ngọc P**, sinh năm 1966; Địa chỉ: 127/9 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền ngày 21-3-2018), có mặt.

**** Người bị kiện:*** **Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;** Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Th** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền số 4295 ngày 02/11/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi: Ông **Võ Văn L1** – Trưởng phòng tư pháp huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- **Ủy ban nhân dân xã P1, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ: xã P1, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã P1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân T** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã P1 (theo văn bản ủy quyền số 61/QĐ-UBND ngày 08/6/2018), có mặt.

- Ông **Mai Hùng P2**, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 23 đường 5B phường BA, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Ông **Mai Hùng C**, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 23 đường 5B phường BA, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bà **Mai Thị Như N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 23 đường 5B phường BA, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của ông Mai Văn L, bà Nguyễn Thị A và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà A là ông Hồ Ngọc P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 04 là của ông Mai Đ. Ông Mai Đ chết trong chiến tranh, các con của ông Mai Đ đã bỏ quê hương, nhà cửa tản cư sinh sống tại Khánh Hòa từ năm 1965 không về và không có mặt tại địa phương. Năm 1977 Nhà nước có chủ trương thu hồi đất vắng chủ để đưa vào HTX chia cho các hộ dân có mặt tại địa phương để sinh sống và sản xuất. Vợ chồng ông Mai Văn L, bà Nguyễn Thị A xin HTX nhận thửa đất này để làm nhà ở và canh tác. Sau khi nhận thửa đất này vợ chồng ông L, bà A làm nhà ở ổn định và thực hiện nghĩa vụ đầy đủ với Nhà nước. Năm 1999 thực hiện Nghị định 64-CP, bà Nguyễn Thị A làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A vào ngày 30-12-1999, số vào sổ 01210 QSDĐ/820/QĐUB(H), số thửa 372, tờ bản đồ số 4

xã P1, diện tích 1.500m^2. Tháng 6/2007, bà Mai Thị H, bà Mai Thị C1 và bà Mai Thị T1 có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp đất đai yêu cầu vợ chồng ông L, bà A trả lại thửa đất này nhưng không thành. Sau khi tranh chấp với vợ chồng ông L, bà A ở địa phương không được, bà H, bà C1 và bà T1 yêu cầu UBND huyện Đ giải quyết. Ngày 07/9/2011, UBND huyện Đ ra Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A. Năm 2013 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị C1 trên thửa đất mà vợ chồng ông L, bà A đang ở. Bà A liên tục khiếu nại đến UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc UBND huyện Đ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng, bà và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị C1 trên thửa đất mà vợ chồng ông L, bà A đang ở. Ngày 25/4/2016 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định 1250/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành không đúng quy định của pháp luật và UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1251/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị A ở thôn S, xã P1.

Ngày 04/01/2018, vợ chồng ông L, bà A nhận được Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A. Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà A là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L, bà A.

Ông L, bà A yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A.

Ý kiến của Chủ tịch UBND huyện Đ, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh Tân trình bày:

Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 04, bản đồ lập năm 2006 với tổng diện tích 1.500m^2 (trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 1.300m^2) được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P 754271 (số vào sổ cấp GCN: 01210 QSĐĐ/820/QĐUB(H) ngày 30/12/1999) cho bà Nguyễn Thị A nguyên là thửa đất vườn có số hiệu 502, diện tích 03 sào tại thôn S, xã P1, huyện Đ do ông bà nội của bà Mai Thị C1 (ông Mai C2 và bà Huỳnh Thị L2) tạo lập (có bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ). Đến năm 1950, ông Mai C2 và bà Huỳnh

Thị L2 lập "Bảng chia tài sản" vào ngày 12/12/1950 (có xác nhận của Ủy ban hành chính xã P1 ngày 18/12/1950) để lại cho cha của bà Mai Thị C1 là ông Mai Đ để sử dụng, thờ cúng tổ tiên. Từ trước năm 1975, cha bà (ông Mai Đ) và ông Huỳnh Quang K (con rể của chị ông Mai Đ) cùng sử dụng; đến năm 1975 ông Mai Đ chết, ông Huỳnh Quang K tiếp tục sử dụng; đến năm 1976 ông Huỳnh Quang K không sử dụng thửa đất này nữa mà về xã P sinh sống. Từ đó ông Mai Văn L từ thành phố Hồ Chí Minh về lại xã P1 sinh sống và ở trên thửa đất này, một thời gian sau ông Mai Văn L phá dỡ ngôi nhà cũ của cha bà Mai Thị H để xây dựng lại nhà mới. Năm 1999 ông bà Nguyễn Thị A đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A gồm có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị A, ký ngày 16/8/1999; thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất của UBND xã P1 ký xác nhận ngày 03/3/1999, ký trước đơn bà Nguyễn Thị A hơn 5 tháng, trong thông báo này nơi nhận không có thôn S; biên bản về việc kết thúc công khai hồ sơ đăng ký đất của UBND xã P1 ký ngày 20/3/1999, ký trước đơn bà Nguyễn Thị A hơn 5 tháng. Trong hồ sơ không có phần thẩm tra của Hội đồng đăng ký đất đai của xã P1, biên bản kiểm tra hồ sơ xét duyệt đăng ký đất, kết quả kiểm tra việc xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của Phòng Địa chính - Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện (nay là Phòng Tài nguyên và môi trường).

Việc bà Nguyễn Thị A kê khai là đất ông bà lưu hạ trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất để được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị A là không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

Như vậy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A không đúng theo quy định tại Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không đúng nguồn gốc sử dụng đất nên UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 là không có cơ sở.

Ý kiến của UBND xã P1 và người đại diện theo ủy quyền của UBND xã

P1 là ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Thống nhất Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A.

Ông Mai Hùng P2, ông Mai Hùng C và Mai Thị Như N trình bày: Giống văn bản trình bày của người khởi kiện ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A và đề nghị hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A, thường trú: Thôn S, xã P1.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A là không đúng nguồn gốc sử dụng đất; trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A không đúng theo quy định tại Thông tư 346/1998/TT- TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A, thường trú: Thôn S, xã P1 là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điểm a khoản 2 Điều 116; Điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014 NĐ-CP của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A yêu cầu hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A,

thường trú: Thôn S, xã P1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định Kháng nghị số 38/2018/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2018 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 12/2018/HC-ST ngày 01/8/2018 của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thay đổi một phần nội dung Quyết định Kháng nghị số 38/2018/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2018 của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 01/8/2018 của TAND tỉnh Quảng Ngãi, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A hủy Quyết định số 5032/UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi GCNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A, ông L là ông Hồ Ngọc P trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L bà A không kháng cáo bởi lẽ hiện nay giữa 2 bên bà H, bà C1, bà T1 với ông L bà A đang tiếp tục tranh chấp về đất đai và tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chưa có kết quả giải quyết. Ông P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung thay đổi kháng nghị của VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà A, hủy Quyết định hành chính số 5032/UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, ông Võ Văn L1 trình bày: Do ông L, bà A đăng ký kê khai đất không đúng nguồn gốc, có sự tranh chấp quyền sử dụng đất nên UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định hành chính về việc thu hồi GCNQSD đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục do pháp luật quy định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc thửa đất mà hộ bà Nguyễn Thị A được cấp GCNQSD đất: Nguyên thửa đất số 372 tờ bản đồ số 4, diện tích 1.500m^2 tại thôn S, xã P1,

huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là của cụ Mai C2 (theo bản Trích lục địa bộ tại Bút lục 76). Cụ Mai C2 chết để lại cho con là cụ Mai Đ (có bản chia tài sản tại Bút lục số 80). Cụ Mai Đ chết trước năm 1975, các con của cụ Đạt bỏ vào sống tại tỉnh Khánh Hòa. Năm 1975, có ông Huỳnh Quang K là cháu rể của cụ Đạt sử dụng, đến năm 1976 thì ông K bỏ đi nơi khác. Năm 1977, ông Mai Văn L (là cháu trong họ của các cụ Mai C2, Mai Đ) cùng vợ là bà Nguyễn Thị A đến ở và đã đăng ký, kê khai đối với thửa đất nêu trên. Đến ngày 30/12/1999, hộ bà A được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất vào sổ số 01210/QSDĐ/820/QĐUB, trong đó có 200m^2 đất ở và 1.300m^2 đất vườn.

Đầu tháng 6/2007, các bà Mai Thị H, Mai Thị C1 và Mai Thị T1 là các con của cụ Mai Đ trở về gửi đơn tranh chấp đất với ông L, bà A. Sau khi chính quyền xã P1 hòa giải không thành thì các bà H, bà C1 và bà T1 gởi đơn tranh chấp đến UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu giải quyết.

Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6736/QĐ-UBND, nội dung cho rằng UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất cho hộ bà A là không đúng pháp luật, kê khai không đúng nguồn gốc và hồ sơ không còn lưu trữ. Do vậy, ngày 07/9/2011, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 5830/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất của hộ bà A.

Đến ngày 10/5/2012, UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số BL037111 cho bà Mai Thị C1 (đại diện cho các con của ông Đạt) ngay tại thửa đất đã thu hồi của hộ bà A, nhưng biến động qua thửa đất số 712, tờ bản đồ số 6 lập năm 2006 có diện tích 1.668m^2.

Sau khi được cấp GCNQSD đất, các bà Mai Thị C1, Mai Thị H và Mai Thị T1 đã phá dỡ ngôi nhà của bà A, ông L. Bà A, ông L khởi kiện yêu cầu bồi thường tài sản và đã được Tòa án giải quyết theo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DSPT của TAND tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục 118, 119).

Ông L, bà A khiếu nại việc thu hồi GCNQSD đất thì UBND huyện đã ban hành các Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 6736/QĐ-UBND nêu trên và ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 về việc thu hồi GCNQSD đất của bà A, ông L.

Sau đó, đến ngày 30/11/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5033/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất và sở hữu tài sản số BE037111 đã cấp cho bà Mai Thị C1. Đồng thời UBND huyện Đ tiếp tục ban hành Quyết định số

5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 thu hồi lại GCNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A. Bà A, Ông L đã khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định này.

[2]. Xem xét quá trình giải quyết và ban hành các quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Năm 1999, bà Nguyễn Thị A đã đăng ký đất đai và đã được cấp GCNQSD đất nhưng đến tháng 6 năm 2007, các bà Mai Thị C1, Mai Thị H và Mai Thị T1 có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Đ đã thụ L đơn và giải quyết tranh chấp là không đúng. Bởi lẽ, theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 quy định "Tranh chấp quyền sử dụng đất mà các đương sự có GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất thì do TAND giải quyết". Trong lúc hộ bà Nguyễn Thị A đã được cấp GCNQSD đất từ năm 1999, thời điểm tranh chấp phát sinh là năm 2007. Do vậy, UBND huyện giải quyết quan hệ tranh chấp đất đai giữa bà Mai Thị H, Mai Thị C1 và Mai Thị T1 với bà A, ông L là thụ L đơn và giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Lẽ ra UBND huyện Đ phải trả lại đơn và hướng dẫn đương sự khởi kiện đến TAND giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. Xem xét các Quyết định hành chính v/v thu hồi Giấy CNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A, thấy rằng:

Tại Quyết định số 6736/QĐ-UBND ngày 03/12/2010 giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị H, UBND huyện Đ cho rằng việc cấp GCNQSD đất tại thửa 372 tờ bản đồ số 4 thôn S cho hộ bà Nguyễn Thị A là không đúng pháp luật vì lý do kê khai không đúng và không có hồ sơ lưu trữ. Sau đó, ngày 07/9/2011, UBND huyện đã ban hành Quyết định thu hồi GCNQSD đất của bà A. Tuy các Quyết định hành chính này không còn hiệu lực vì đã được thu hồi hủy bỏ, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Thời điểm năm 1977 con của cụ Đạt đã bỏ đi khỏi địa phương, đất bỏ hoang, ông Mai Văn L là cháu của cụ Mai C2, cụ Mai Đ, bà A là vợ của ông L đã đăng ký, kê khai nguồn gốc do "ông bà để lại" thì không sai về nguồn gốc đất, mặc khác hồ sơ bị thất lạc không còn lưu giữ là lỗi của chính quyền chứ không phải lỗi của bà A. Nhưng UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất để cấp Giấy chứng nhận cho người khác là đồng nghĩa thu hồi lại toàn bộ diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị A, như vậy việc thu hồi Giấy CNQSDĐ của bà A vào năm 2011 là không có căn cứ pháp luật.

Sau đó đến ngày 20/5/2012, UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Mai Thị C1 và những người con của cụ Mai Đ nhưng không xem xét cụ thể về nhà cửa, tài sản của ông L, bà A. Dẫn

đến bà C1 và những người này đã phá dỡ nhà của ông L, bà A là việc làm không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của ông L, bà A, trong đó, nguyên nhân làm phát sinh vụ án bồi thường về tài sản. Vấn đề này đã được TAND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết theo Bản án số 21/2018/DSPT nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập, phân tích thêm.

Đến ngày 25/4/2016, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1250/QĐ-UBND để thu hồi hủy bỏ các Quyết định giải quyết khiếu nại số 6736/QĐ-UBND và Quyết định số 1251/QĐ-UBND, thu hồi hủy bỏ Quyết định số 5830/QĐ-UBND v/v cấp Giấy CNQSDĐ cho bà C1. Đến ngày 30/11/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5011/QĐ-UBND thu hồi Giấy CNQSD đất số BL037111 đã cấp cho bà Mai Thị C1 đồng thời cũng ban hành Quyết định số 5032/QĐ-UBND tiếp tục thu hồi GCNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A. Quyết định này bị ông L và bà A khởi kiện.

Từ một vụ việc thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền mà UBND huyện Đ đã ban hành cả thảy 06 Quyết định hành chính các loại. Tất cả các quyết định hành chính nêu trên ban hành đều vi phạm về thẩm quyền được quy định tại Điều 136 Luật Đất đai năm 2003, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Xem xét Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ là Quyết định hành chính bị khởi kiện, thấy rằng: UBND huyện Đ cho rằng: Nguồn gốc đất là của cụ Mai Đ (đã chết) hiện đang có tranh chấp đất đai giữa các người con ông Đạt là các bà Mai Thị H, Mai Thị C1, Mai Thị T1 với bà Nguyễn Thị A, ông Mai Văn L. Trong hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của bà Nguyễn Thị A về thủ tục không đầy đủ, về trình tự là ký trước thời gian 5 tháng và một số thủ tục không đảm bảo theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Do bà A khai nguồn gốc đất do ông bà lưu hạ là không đúng. Vì vậy, UBND huyện Đ cho rằng Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy CNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A là đúng thẩm quyền và trình tự do pháp luật quy định.

Xét thấy: Theo biên bản hòa giải ngày 19/6/2007 của UBND xã P1 giữa bà Mai Thị H và bà Mai Thị T1 với ông Mai Văn L (Bút lục 16, 17) thì ý kiến của Ban hòa giải như sau: "Theo lịch sử đất đai là sở hữu toàn dân mà Nhà nước thống nhất quản lý. Do đó, các vườn vắng chủ được Nhà nước xung vào quỹ đất công. Nếu cá nhân nào có đủ điều kiện cấp đất ở thì Nhà nước thu hồi đất cấp cho họ sử dụng. Do đó, vườn của ông bà Mai Thị H cũng thuộc diện như trên."

"Diện cơ cấu của địa phương, sau khi được thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, địa phương cấp đất theo Nghị định là cấp theo đất. Việc sử dụng đất hiện nay hộ gia đình quản lý để chia thực hiện theo luật định, lập phương án chia từ trong vườn ở chia ra ruộng. Bình quân diện tích trên toàn xã do vậy vườn ông Mai Văn L cũng thuộc trong cơ cấu Nghị định 64/CP ban hành năm 1994."

Xem xét lời khai của những người làm chứng, ông Nguyễn Thanh Quý nguyên Phó Chủ tịch và Chủ tịch xã P1 thời điểm 1978 đến 2000, ông Nguyễn Thanh Hải nguyên Phó chủ nhiệm HTX nông nghiệp xã P1, ông Nguyễn Sở Tại nguyên Đội trưởng sản xuất đội 9 HTX nông nghiệp xã P1, ông Nguyễn Sáu nguyên Bí thư chi bộ thôn S năm 1981, và ông Nguyễn Bảy (tại Bút lục 15) thì hầu hết những người này khai thửa đất của ông L, bà A là do HTX nông nghiệp Phổ Minh xét cấp đất cho ông L, bà A.

Từ những nội dung trên cho thấy thửa đất số 372 tờ bản đồ số 4 diện tích đất 1.500m^2 HTX nông nghiệp, xã P1 đã quản lý và cấp đất cho ông L, bà A nghĩa là đất đã được thực hiện chính sách về đất đai của Nhà nước, theo lời trình bày của ông L, bà A, anh Mai Hùng P2, anh Mai Hùng C tại hồ sơ vụ án là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 quy định đều không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ.

Như đã phân tích ở trên, UBND huyện Đ thụ lý đơn tranh chấp của bà H, bà C1, bà T1 và giải quyết tranh chấp là không đúng thẩm quyền, ông L và bà A đã đăng ký, kê khai việc sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, UBND xã P1 và UBND huyện Đ xác minh nguồn gốc đất đai không đầy đủ, chưa thu thập làm rõ quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước đối với thửa đất nhưng đã ban hành nhiều quyết định hành chính trái với pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trường hợp có tranh chấp tài sản (nếu có) và chứng minh được thì phải được giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Quyết định hành chính số 5032/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi GCNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A là không đúng pháp luật cần chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Quyết định số 5032/QĐ-UBND huyện Đ v/v thu hồi Giấy CNQSD đất của hộ bà

Nguyễn Thị A, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A. Sửa lại toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà A nên UBND huyện Đ phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2, Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị A.

Áp dụng: Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 115; Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 3; Điều 14 Luật đất đai năm 1987; Điều 2; Điều 3; Điều 36; Khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 10; Khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 98, Điều100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Xử: Hủy Quyết định số 5032/UBND ngày 30/11/2017 của UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi Giấy CNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị A.

Về án phí: Áp dụng Điều 348 Luật tố tụng hành chính, Điều 32; Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi